

Cần Thơ, ngày tháng năm 201

## ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

Tên học phần: **SINH LÝ**

Mã học phần: 000535

### 1. Thông tin về học phần

Số tín chỉ: 3 Tổng số tiết quy chuẩn: 60

- Lý thuyết: 2 Tổng số tiết quy chuẩn: 30

- Thực hành: 1 Tổng số tiết quy chuẩn: 30

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	L	T	P	O	
	30	0	30	0	30 + 60 = 90

Loại học phần: **Bắt buộc**

Học phần tiên quyết: **Giải phẫu**

Học phần học trước: **Không**

Học phần học song hành: **Không**

Ngôn ngữ giảng dạy: **Tiếng Việt**  **Tiếng Anh:**

Đơn vị phụ trách: **Bộ môn Sinh lý**

### 2. Thông tin về các giảng viên

Ths. Bs. Hoàng Thúy Oanh ĐT: 0919313576 Email: hoangthuyoanh@gmail.com

### 3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):

#### \* Về kiến thức

MT1: Trình bày được chức năng và hoạt động của các cơ quan trong cơ thể người

MT2: Vận dụng những kiến thức về Sinh lý học vào diễn giải các diễn biến, phản ứng, hiện tượng trong cơ thể người.

#### • Về kỹ năng

MT3: Thực hiện được một số xét nghiệm và phương pháp thăm dò chức năng cơ bản ứng dụng trong lâm sàng.

MT4: Có khả năng làm việc và thảo luận nhóm trong quá trình học tập

#### • Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

MT5: Rèn luyện các phẩm chất đạo đức cá nhân: trung thực, cẩn trọng, chính xác, khách quan, có ý thức học tập phát triển nghề nghiệp suốt đời.

#### 4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT						
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
000535	Sinh lý	0	1	0	1	0	2	0
		PO8	PO9	PO10	PO11	PO12	PO13	PO14
		0	0	0	1	2	0	1
		PO15	PO16	PO17	PO18	PO19	PO20	PO21
		0	0	0	0	0	0	1

#### 5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CDR của CTĐT
<b>Kiến thức</b>			
MT1	CO1	Trình bày được chức năng và hoạt động của các cơ quan trong cơ thể người.	PO2, PO3, PO4, PO6
MT2	CO2	Vận dụng những kiến thức về Sinh lý học vào diễn giải các diễn biến, phản ứng, hiện tượng trong cơ thể người	PO2, PO3, PO4, PO6
<b>Kỹ năng</b>			
MT3	CO3	Thực hiện được một số xét nghiệm và phương pháp thăm dò chức năng cơ bản ứng dụng trong lâm sàng	PO7, PO9, PO10, PO12, PO13, PO14, PO15, PO16
MT4	CO4	Có khả năng làm việc và thảo luận nhóm trong quá trình học tập	PO7, PO 9, PO10, PO12, PO13, PO14, PO15, PO16
<b>Năng lực tự chủ và trách nhiệm</b>			
MT5	CO5	Rèn luyện các phẩm chất đạo đức cá nhân: trung thực, cẩn trọng, chính xác, khách quan, có ý thức học tập phát triển nghề nghiệp suốt đời	PO17, PO18, PO19, PO20, PO21

#### 6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần Sinh lý cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chức năng, hoạt động của các cơ quan trong cơ thể người như sinh lý máu, sinh lý của các hệ

cơ quan bao gồm hệ tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa, thần kinh, giác quan, tiết niệu, nội tiết, sinh dục.

### 7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO5
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
Thực hành	Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5

### 8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận tổ hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.
- Thực hành để củng cố kiến thức (lý thuyết) đã được học.
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.

### 9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên cần	10	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học - Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	CO3, CO4, CO5	5 5
2	Thực hành	15	Chất lượng sản phẩm giao nộp	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5	10
3	Bài kiểm tra định kỳ	25	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5	10
4	Thi kết thúc HP	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5	10

### 10. Học liệu

### 10.1. Tài liệu học tập

[1] Bộ môn Sinh lý –Sinh lý bệnh Đại học Nam Cần Thơ, *Sinh lý học*. Giáo trình. 2018. Thư viện Đại học Nam Cần Thơ.

### 10.2. Tài liệu tham khảo

[2]. Phạm Thị Minh Đức (2011), *Sinh lý học*, Nhà xuất bản Y học.

[3]. Phạm Đình Lự (2014), *Sinh lý học y khoa*, Tập 1 và 2, Nhà xuất bản Y học, TP. Hồ Chí Minh.

[4]. Trường Đại học Y Hà Nội (2006), *Sinh lý học*, Nhà xuất bản Y học.

[5]. Học viện quân Y (2005), *Thực tập sinh lý học*, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân.

### 11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
1	<b>Sinh lý máu</b> 1. Sinh lý hồng cầu 2. Nhóm máu và truyền máu 3. Sinh lý bạch cầu 4. Sinh lý tiểu cầu 5. Đông cầm máu	[1],[2],[3],[4]	CO1, CO2, CO5
2	<b>Sinh lý hệ tuần hoàn</b> 1. Hoạt động điện của tim 2. Chu kỳ tim 3. Sinh lý hệ mạch 4. Điều hòa hoạt động tim mạch	[1],[2],[3],[4]	CO1, CO2, CO5
3	<b>Sinh lý hệ hô hấp</b> 1. Thông khí phổi 2. Trao đổi khí tại phổi 3. Chuyên chở khí trong máu 4. Điều hoà hô hấp	[1],[2],[3],[4]	CO1, CO2, CO5
4	<b>Sinh lý hệ tiết niệu</b> 1. Đặc điểm cấu trúc và chức năng của thận 2. Chức năng tạo nước tiểu của thận	[1],[2],[3],[4]	CO1, CO2, CO5

	<p>3. Các phương pháp thăm dò chức năng thận</p> <p>4. Chức năng nội tiết của thận và điều hòa thăng bằng nội môi</p>		
<b>5-6</b>	<p><b>Sinh lý hệ tiêu hóa – Gan mật</b></p> <p>1. Các hoạt động chức năng của hệ tiêu hóa</p> <p>2. Tiêu hóa ở miệng</p> <p>3. Tiêu hóa ở dạ dày</p> <p>4. Tiêu hóa và hấp thu ở ruột non</p> <p>5. Tiêu hóa ở ruột già</p> <p>6. Sinh lý gan mật</p>	[1],[2],[3],[4]	CO1, CO2, CO5
<b>7</b>	<p><b>Sinh lý hệ nội tiết</b></p> <p>1. Đại cương về hệ nội tiết và hormon</p> <p>2. Sinh lý tuyến yên</p> <p>3. Sinh lý tuyến giáp và tuyến cận giáp</p> <p>4. Sinh lý tụy nội tiết</p> <p>5. Sinh lý tuyến thượng thận</p>	[1],[2],[3],[4]	CO1, CO2, CO5
<b>8</b>	<p><b>Sinh lý hệ sinh dục</b></p> <p>1. Sinh lý sinh dục nữ</p> <p>2. Sinh lý sinh dục nam</p>	[1],[2],[3],[4]	CO1, CO2, CO5
<b>9</b>	<p><b>Sinh lý hệ thần kinh</b></p> <p>1. Sinh lý cảm giác</p> <p>2. Sinh lý vận động</p> <p>3. Sinh lý phản xạ</p> <p>4. Sinh lý hệ thần kinh thực vật</p>	[1],[2],[3],[4]	CO1, CO2, CO5
<b>10</b>	<p><b>Sinh lý giác quan</b></p> <p>1. Thị giác</p> <p>2. Thính giác</p> <p>3. Vị giác</p>	[1],[2],[3],[4]	CO1, CO2, CO5

	4. Khứu giác		
<b>11</b>	Đo huyết áp động mạch gián tiếp	[1],[2],[5]	CO3, CO4, CO5
<b>12</b>	Phân tích huyết đồ	[1],[2],[5]	CO3, CO4, CO5
<b>13</b>	Xác định nhóm máu hệ ABO và Rh	[1],[2],[5]	CO3, CO4, CO5
<b>14</b>	Nghiệm pháp dung nạp Glucose đường uống	[1],[2],[5]	CO3, CO4, CO5
<b>15</b>	Hệ số thanh lọc	[1],[2],[5]	CO3, CO4, CO5
<b>16</b>	Hô hấp ký	[1],[2],[5]	CO3, CO4, CO5

## 12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học có bảng lớn, máy chiếu

**TRƯỞNG KHOA**

*(Đã ký)*

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

*(Đã ký)*

**HIỆU TRƯỞNG**

*(Đã ký)*